

Số: 75/QĐ-UBND

Yên Hồ, ngày 3 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 17 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Nghị quyết số 13 ngày 24 tháng 7 năm 2020 của HĐND xã Yên Hồ về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2019;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã Yên Hồ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019 (theo các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng UB; Ban tài chính kế toán; và các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng Tài chính - KH;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch UBND xã;
- Lưu VT; TC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Anh Sơn

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	15.033.588	TỔNG SỐ CHI	14.902.102
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	56.118	I. Chi đầu tư phát triển	4.956.996
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	7.353.335	II. Chi thường xuyên	9.945.106
III. Thu bổ sung	7.624.135	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung cân đối	4.291.041		
- Bổ sung có mục tiêu	3.333.094		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)			
Kết dư ngân sách	131.486		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2019
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	8.852.972	6.464.472	22.953.089	15.033.588	259%	233%
I	Các khoản thu 100%	110.000	110.000	52.721	52.721	48%	48%
	Phí, lệ phí	10.000	10.000	5.005	5.005	50%	50%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	63.000	63.000	20.000	20.000	32%	32%
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	37.000	37.000	27.716	27.716	75%	75%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.600.000	2.211.500	15.272.836	7.353.335	332%	333%
1	Các khoản thu phân chia	80.000	80.000	133.874	118.364	167%	148%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	3.000	684	684	23%	23%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	17.000	17.000	19.010	3.500	112%	21%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	60.000	60.000	90.180	90.180	150%	150%
	- Phí môi trường			24.000	24.000		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.520.000	2.131.500	15.138.962	7.234.971	335%	339%
	- Cấp quyền sử dụng đất	4.000.000	2.000.000	14.031.036	7.015.518	351%	351%
	- Thuế tài nguyên	45.000	22.500	63.000	12.600	140%	56%
	- Tiền thuê đất SXKD	65.000	19.500	12.689	3.807	20%	20%
	- Thuế giá trị gia tăng	410.000	89.500	1.032.237	203.046		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			3.397	3.397		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.142.972	4.142.972	7.624.135	7.624.135	184%	184%
	- Thu bổ sung cân đối	4.142.972	4.142.972	4.291.041	4.291.041	104%	104%
	- Thu bổ sung có mục tiêu			3.333.094	3.333.094		

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12...	Tổng số	Giá trị đã thanh toán năm 2019	Chia theo nguồn vốn		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp				Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		9.615.853	0	0	4.956.996	0	4.956.996		
TỔNG SỐ		9.615.853	0	0	4.956.996	0	4.956.996		
<i>1/ CT chuyển tiếp</i>		1.881.394	0	0	2.429.857	0	2.429.857		
Cải tạo nhà máy nước sạch	2011	588.236			188.236		188.236		
Trả nợ trường M non Yên Hồ	2012				723.837		723.837		
Trả nợ trường THCS Nguyễn Biều	2012				279.130		279.130		
Trả nợ đường GTNT					292.654		292.654		
Trả nợ xây dựng nghĩa trang làng nghe	2018	850.471			696.000		696.000		
Trả nợ xây dựng nghĩa trang làng nghe (Cổng thoát nước)	2017	442.687			250.000		250.000		
2/ CT khởi công mới		7.734.459	0	0	2.527.139	0	2.527.139		
	2019-2020	776.335							
Hệ thống điện chiếu sáng xã yên hồ.(Từ trụ sở xã Yên Hồ đi thôn Trung Hâu, Tiến Hòa, Nhà máy nước sạch)					560.000		560.000		
Hạ tầng kỹ thuật đất ở dân cư vùng quy hoạch thôn Tiến hòa - Trung hậu xã Yên Hồ(San nền, đường giao thông nội bộ, Mương, Cổng thoát nước)	2019-2020	1.173.160			985.753		985.753		

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2019

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÉNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	17.987	17.987	-	15.824	9.952	5.872
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	17.987	17.987	-	15.824	9.952	5.872
Quỹ phòng Chống thiên tai	10.455	10.455		11.310	9.952	1.358
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	4.198	4.198		2.272		2.272
Quỹ bảo trợ trẻ em	3.334	3.334		2.242		2.242
- ...						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						